

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15-3-2022
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Mạnh Cường
2. Bà Nguyễn Thị Sâm

- *Thư ký phiên toà:* Bà Phan Thị Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Thật - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2021/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995(*Có mặt*).

Bị đơn: Anh Bùi Quý D, sinh năm 1994 (vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

Địa chỉ: Khu 9 (nay là khu Gò Chàm), xã Tam Sơn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2021, tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị kết hôn với anh Bùi Quý D kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 22/6/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh D tại Khu 9 (nay là khu G), xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên đến tháng 6/2021, vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh D để ổn định cuộc sống.

- *Về con chung; tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức:* Chị H trình bày vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ đã tổng đạt hợp lệ các giấy báo; thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo phiên hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, nhưng anh D không đến Tòa án để giải quyết việc chị H khởi kiện xin ly hôn anh, nên Tòa án PH đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh D.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật. Bị đơn anh Bùi Quý D không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xét xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Bùi Quý D.

Về con chung; tài sản chung, Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức:
Do nguyên đơn không đề nghị xem xét nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H pH chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, anh D cố tình vắng mặt; Tòa án đã tiến hành giao các văn bản hợp lệ nhưng anh D vẫn không về để giải quyết. Vì vậy, Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Bùi Quý D là thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. *Về nội dung vụ án.*

2.1. *Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H xin được ly hôn anh Bùi Quý D thấy rằng:* Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Quý D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 22/6/2020 là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương xã Tam Sơn cũng như lời trình bày của bố đẻ anh D là ông Bùi Văn Bằng, ở cùng địa chỉ anh D thể hiện: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị H và anh D chỉ hạnh phúc được thời gian ngắn sau đó đã xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống; đến tháng 6 năm 2021 vợ chồng sống lý thân, không còn quan tâm nhau từ đó đến nay.

Như vậy, có đủ căn cứ để xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh D, cho chị H được ly hôn anh D để ổn định cuộc sống.

2.2. *Về con chung; tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức:* Chị H trình bày vợ chồng không có, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*: Chị H pH chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Bùi Quý D.

2. *Về con chung; tài sản chung; công nợ và công sức*: Không có nên Tòa án không giải quyết.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007649 ngày 25/10/2021, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê; chị H đã nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Chị H có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

Nguyễn Hán Hưởng